

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2019/DS-ST

Ngày: 22-7-2019

V/v “Tranh chấp hợp đồng mua bán
tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đảm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thống

2. Bà Nguyễn Thị Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Mang Đức Kham – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Lệ – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 34/2019/TLST-DS ngày 19 tháng 4 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2019/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Phạm Thị C, sinh năm: 1970 (Có mặt)

Địa chỉ: Đường L1, phường Đ, thị xã A, tỉnh Bình Định.

*** Bị đơn:** Chị Trần Thị L, sinh năm: 1971 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn N2, xã N1, thị xã A, tỉnh Bình Định.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Anh Lê Văn Q, sinh năm: 1964 (Có mặt)

Địa chỉ: Đường L1, phường Đ, thị xã A, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, các thủ tục tố tụng tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phạm Thị C trình bày:

Giữa chị và chị L không có quan hệ bà con gì. Do nhiều lần mua bán với nhau nên chị và chị L có quen biết nhau. Chị bán gạo cho chị L để chị L làm bún tươi từ năm 2009. Trước đây chị L cũng có trả tiền đầy đủ cho chị nhưng rất chậm. Từ năm

2015 đến nay, chị L tiếp tục mua gạo của chị nhưng không trả tiền đầy đủ cho chị nên chị mới khởi kiện đến tòa án. Khoảng năm 2015, chị L mua gạo của chị, đến năm 2017 thì chị L nợ chị số tiền 86.200.000đ (Tám mươi sáu triệu hai trăm nghìn đồng). Các bên thỏa thuận trả góp mỗi ngày 100.000đ cho đến khi hết nợ. Ngày 12/10/2017 (âm lịch), chị L bắt đầu góp 100.000đ và góp đến ngày 11/2/2019 (âm lịch) thì không góp nữa. Chị L yêu cầu trả góp mỗi ngày 50.000đ nhưng chị không đồng ý. Tổng cộng chị L đã góp được 46.400.000đ. Như vậy, chị L còn nợ chị 86.200.000đ – 46.400.000đ = 39.800.000đ. Tuy nhiên cả hai đều thống nhất số nợ 39.600.000đ nên chị xác định hiện nay chị L còn nợ chị 39.600.000đ. Chị yêu cầu chị L phải trả một lần số tiền mua bán gạo 39.600.000đ (Ba mươi chín triệu sáu trăm nghìn đồng) và không yêu cầu tính lãi.

Theo Biên bản ghi lời khai và các thủ tục tố tụng tiếp theo, bị đơn chị Trần Thị L trình bày:

Giữa chị và chị C không có quan hệ bà con gì. Do nhiều lần mua bán với nhau nên chị và chị C có quen biết nhau. Chị mua gạo của chị C để làm bún tươi từ năm 1999. Trong quá trình mua bán, chị có nợ chị C nhưng đều thanh toán đầy đủ. Đến khoảng tháng 9 năm 2014, chị bắt đầu vay tiền của chị C để lo cho con cái ăn học và trả tiền nợ mua gạo của chị C. Hai bên thỏa thuận lãi suất vay là 5%/tháng, việc vay tiền diễn ra nhiều lần tổng số tiền vay là 73.000.000đ. Sau đó hai bên chốt sổ, chị C yêu cầu nhập tiền gốc vay và tiền lãi thành số tiền 100.000.000đ chị thống nhất (có ghi trong sổ nợ của chị C). Sau khi chốt sổ, chị đã trả dần hàng tháng. Đến thời điểm hiện tại, chị xác nhận còn nợ của chị C số tiền 39.600.000đ (Ba mươi chín triệu sáu trăm nghìn đồng) tiền vay. Chị đồng ý trả nợ cho chị C số tiền còn nợ là 39.600.000đ, nhưng xin trả dần mỗi tháng 1.000.000đ, thời điểm bắt đầu từ ngày 01/7/2019 cho đến khi trả hết nợ. Ngoài khoản nợ 39.600.000đ chị không nợ chị C gì nữa. Chị L xác định khoản nợ 39.600.000đ là tiền vay của chị C, không phải tiền mua bán gạo.

**Tại Biên bản ghi lời khai, các thủ tục tố tụng tiếp theo và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Văn Q Trình bày:*

Anh là chồng của chị Phạm Thị C. Anh thống nhất toàn bộ lời trình bày và yêu cầu của nguyên đơn chị Phạm Thị C, ngoài ra anh không bổ sung gì thêm.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị C, anh Q, buộc chị Trần Thị L phải trả một lần số tiền 39.600.000đ. Ghi nhận sự tự nguyện của chị C, anh Q về việc không yêu cầu tính tiền lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng

Chị Phạm Thị C khởi kiện tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản với chị Trần Thị L có địa chỉ cư trú tại thôn N2, xã N1, thị xã A, tỉnh Bình Định. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã A.

[2] Về nội dung

[2.1] Quan hệ pháp luật

Chị Phạm Thị C yêu cầu Tòa án giải quyết “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” và đã giao nộp đầy đủ chứng cứ chứng minh giữa chị C và chị Trần Thị L có quan hệ mua bán gạo. Chị L cho rằng giữa chị và chị C không có quan hệ mua bán gạo mà có quan hệ vay tài sản. Tuy nhiên, chị L không cung cấp được chứng cứ và Tòa án không thể thu thập được chứng cứ chứng minh điều này. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định đây là vụ án dân sự về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

[2.2] Hiệu lực của hợp đồng mua bán tài sản

Theo quy định tại Điều 430 của Bộ luật Dân sự, hợp đồng mua bán tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên bán chuyển quyền sở hữu tài sản cho bên mua và bên mua trả tiền cho bên bán. Chị Phạm Thị C và chị Trần Thị L là những chủ thể có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, tự nguyện tham gia vào hợp đồng mua bán tài sản và phù hợp với các điều kiện quy định tại Điều 117 và Điều 430 của Bộ luật Dân sự nên hợp đồng mua bán tài sản giữa chị Phạm Thị C và chị Trần Thị L được pháp luật bảo vệ.

[2.3] Về số tiền nợ

Dựa trên giấy nợ tiền do chị L ghi ngày 07/8/2017, giấy chốt sổ ngày 11/02/2019 và sự thống nhất của các đương sự, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định hiện nay chị L còn nợ của chị C, anh Q 39.600.000đ (Ba mươi chín triệu sáu trăm nghìn đồng) tiền mua bán gạo.

[2.4] Về phương thức trả nợ

Chị Phạm Thị C, anh Lê Văn Q yêu cầu chị Trần Thị L trả một lần số tiền 39.600.000đ, còn chị L xin trả dần mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi hết nợ. Xét yêu cầu của chị C, anh Q và chị L, Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị C, anh Q đã thực hiện xong nghĩa vụ giao gạo cho chị L nhưng cho đến nay, chị L vẫn chưa thanh toán toàn bộ số tiền mua gạo cho chị C. Theo quy định tại khoản 2 Điều 440 của Bộ luật Dân

sự, chị L phải thanh toán toàn bộ số tiền mua gạo cho chị C, anh Q tại thời điểm chị L nhận gạo. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của chị C, anh Q về việc buộc chị L phải thanh toán một lần số tiền 39.600.000đ đồng thời bác yêu cầu xin trả dần mỗi tháng 1.000.000đ của chị L vì không được chị C, anh Q chấp nhận. Ghi nhận sự tự nguyện của chị C, anh Q về việc không yêu cầu tính lãi.

[2.5] Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền

Do các bên không có thỏa thuận về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền nên theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự, chị L còn phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này.

[2.6] Về án phí:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chị Trần Thị L phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận. Án phí được tính: $39.600.000đ \times 5\% = 1.980.000đ$.

[3] Về ý kiến của Kiểm sát viên: Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 117, Điều 357, Điều 430 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị C.
 2. Xác định chị Trần Thị L còn nợ chị Phạm Thị C, anh Lê Văn Q 39.600.000đ (Ba mươi chín triệu sáu trăm nghìn đồng) tiền mua bán gạo.
 3. Buộc chị Trần Thị L phải có nghĩa vụ trả cho chị Phạm Thị C, anh Lê Văn Q một lần số tiền 39.600.000đ (Ba mươi chín triệu sáu trăm nghìn đồng). Ghi nhận sự tự nguyện của chị C, anh Q về việc không yêu cầu tính lãi.
- Bác yêu cầu của chị L về việc xin trả dần mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi hết nợ.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Về án phí:

Buộc chị Trần Thị L phải chịu 1.980.000đ (Một triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho chị Phạm Thị C 1.000.000đ (Một triệu đồng) tạm ứng án phí mà anh Lê Văn Q đã nộp thay theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0004575 ngày 19/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND thị xã A;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS thị xã A;
- Lưu, lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Đảm